

VN-Index 1716.47 (1.10%)

1161 Tr. cổ phiếu 34632.7 Tỷ VND (3.72%)

HNX-Index 274.94 (0.59%)

77 Tr. cổ phiếu 1780.9 Tỷ VND (-32.65%)

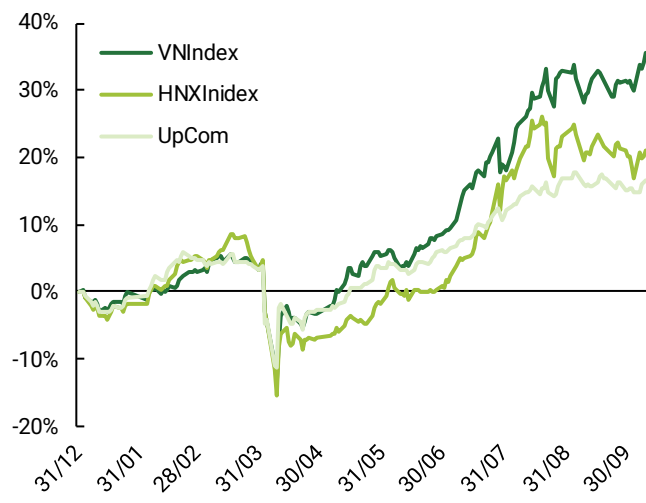
UPCOM-Index 110.7 (0.24%)

41 Tr. cổ phiếu 579.2 Tỷ VND (-1.45%)

VN30F1M 1936.60 (0.92%)

301,833 HD OI: 39,834 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- **Diễn biến:** Chỉ số VN-Index đóng cửa phiên tại 1716.5, tăng 18.6 điểm (+1.10%). Thanh khoản tăng với độ rộng cải thiện về phía mua. Diễn biến cũng khả quan ở VN30 và HNX-Index

- **Điểm nhấn trong phiên:** Nhóm Vingroup là động lực chính cho đà tăng, bên cạnh nhóm Ngân hàng cũng góp thêm phần vào vai trò dẫn dắt. Dòng tiền luân chuyển tốt giữa các nhóm ngành.

Nhóm ngành và cổ phiếu phản ứng tích cực: Ngân hàng: CTG (+4.0%), SHB (+3.5%), VPB (+3.2%) | Bất động sản: VHM (+7.0%), DIG (+5.3%), VRE (+4.7%) | Thực phẩm và đồ uống: SBT (+2.5%), HAG (+2.1%), ANV (+1.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (+6.9%), GEX (+0.5%) | Bán lẻ: PET (+6.9%), FRT (+2.8%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Dịch vụ tài chính: TCI (-2.5%), TVB (-2.4%), VCI (-1.8%) | Tài nguyên Cơ bản: TNI (-6.9%), VPG (-1.6%), SMC (-1.5%) | Du lịch và Giải trí: SCS (-3.3%), HVN (-0.6%), VJC (-0.2%).

Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, CTG, VPB, BSR - Chiều giảm | VCB, LPB, HPG, SSI

Khối ngoại trở lại Bán ròng gần 1600 tỷ đồng, tập trung nhiều ở HPG, SSI, VRE, VHM, trong khi mua ròng VIC, TCB, BSR.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- **VN-Index** chính thức thiết lập mức đỉnh mới trên ngưỡng 1700 điểm. Thanh khoản tăng đồng thuận chiều mua hàm ý lực cầu chấp nhận tham gia trên vùng giá cao. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cải thiện ủng hộ chiều đi lên. Mục tiêu cận gần là ngưỡng 1750 điểm trong khi hỗ trợ hiện quanh mức 1660 - 1680 điểm.

- **Đối với HNX-Index**, chỉ số vẫn gặp khó khăn trong nỗ lực bứt phá, thanh khoản cũng giảm cho thấy chiều mua thiếu quyết đoán. Vận động khả năng tiếp tục củng cố trong vùng 272 – 276 với mục tiêu chinh phục cận 280.

- **Chiến lược chung:** Chiều mua có thể cân nhắc trở lại với tỷ trọng vừa phải, ưu tiên nhóm giao dịch kênh trên (trên MA20 ngày) và tận dụng trạng thái hạ nhiệt. Đối với phân lớp cổ phiếu trung bình - yếu, cần thêm tín hiệu đồng thuận thoát khỏi kênh điều chỉnh sẽ cho điểm vào tối ưu hơn. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiêu dùng, Đầu tư công.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua DDV (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
	(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng						
Theo chỉ số																
VN-Index	1,716.5 ▲	1.1%	3.9%	4.8%	34,632.7 ▲	3.7%	52.5%	9.1%	1,161.3 ▲	3.2%	48.4%	2.5%				
HNX-Index	274.9 ▬	0.6%	2.0%	0.0%	1,780.9 ▼	-32.7%	15.4%	-17.2%	76.6 ▼	-35.0%	2.7%	-19.7%				
UPCOM-Index	110.7 ▬	0.2%	0.8%	0.7%	579.2 ▼	-1.4%	54.1%	-43.4%	41.1 ▲	20.1%	70.0%	-36.0%				
VN30	1,940.9 ▬	0.9%	4.4%	6.3%	21,137.9 ▲	13.8%	68.5%	31.1%	605.1 ▲	25.0%	75.2%	26.2%				
VNMID	2,491.6 ▬	0.7%	2.5%	-0.4%	10,664.4 ▼	-13.9%	28.6%	-15.6%	362.0 ▼	-17.8%	17.3%	-21.6%				
VNSML	1,587.3 ▬	0.2%	0.8%	-0.3%	1,523.0 ▲	2.4%	14.1%	-19.1%	89.8 ▼	-2.2%	-3.5%	-24.3%				
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	685.8 ▲	1.0%	1.93%	2.5%	12,367.7 ▲	42.3%	56.8%	48.6%	473.6 ▲	46.5%	59.3%	50.1%				
Bất động sản	618.2 ▲	2.5%	3.7%	17.9%	6,102.8 ▲	2.5%	28.2%	19.9%	175.9 ▼	-16.6%	2.8%	-7.5%				
Dịch vụ tài chính	382.4 ▼	-0.7%	3.4%	3.6%	4,428.9 ▼	-33.0%	-9.5%	-5.6%	136.9 ▼	-35.1%	-16.1%	-10.7%				
Công nghiệp	263.0 ▲	1.6%	-0.7%	6.5%	2,218.6 ▲	26.9%	79.2%	50.4%	45.2 ▲	9.1%	44.8%	26.3%				
Tài nguyên cơ bản	570.8 ▼	-0.7%	2.7%	0.7%	1,548.7 ▼	-27.5%	-18.8%	-35.0%	59.8 ▼	-27.2%	-21.0%	-37.4%				
Xây dựng - Vật Liệu	196.5 ▬	0.39%	-1.1%	-4.7%	1,383.8 ▼	-13.0%	-11.4%	-26.0%	53.2 ▼	-17.5%	-20.7%	-35.6%				
Thực phẩm	561.5 ▬	0.1%	1.4%	2.8%	2,027.6 ▼	-3.9%	11.2%	1.8%	56.6 ▲	18.3%	19.2%	14.1%				
Bán Lẻ	1,484.0 ▲	1.1%	3.9%	7.6%	1,108.9 ▼	-34.9%	12.2%	19.0%	16.3 ▼	-26.8%	20.4%	24.6%				
Công nghệ	501.5 ▼	-0.3%	1.2%	-6.6%	704.5 ▲	12.7%	-16.8%	-43.4%	8.7 ▲	19.1%	-24.0%	-42.5%				
Hóa chất	169.1 ▲	1.1%	-0.9%	-3.9%	426.9 ▲	7.9%	0.8%	-9.9%	13.8 ▲	25.3%	-1.5%	-4.2%				
Tiện ích	656.8 ▬	0.1%	-0.1%	-1.8%	312.5 ▲	48.8%	32.6%	-9.3%	12.0 ▲	19.0%	-4.4%	-28.3%				
Dầu khí	77.2 ▲	4.5%	-0.2%	1.3%	767.4 ▲	210.0%	205.6%	90.4%	28.6 ▲	197.6%	191.3%	84.8%				
Dược phẩm	431.3 ▼	-0.4%	0.3%	1.4%	42.2 ▼	-81.4%	-54.2%	-38.6%	2.1 ▼	-65.6%	-42.5%	-43.8%				
Bảo hiểm	91.3 ▬	0.3%	-0.4%	-3.0%	28.1 ▲	27.1%	-2.3%	-23.5%	1.1 ▲	57.6%	15.3%	-11.3%				

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,716.5 ▲	1.1%	35.5%	16.4x	2.1x
SET-Index	Thái Lan	1,314 ▬	0.70%	-6.2%	16.6x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,251 ▲	1.04%	16.5%	19.8x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,181 ▬	0.6%	-3.2%	16.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,057 ▼	-0.7%	-7.2%	10.4x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,934 ▲	1.3%	17.4%	19.2x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,753 ▼	-0.3%	33.4%	13.1x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	48,580 ▲	1.8%	21.8%	21.3x	2.5x
S&P 500	Mỹ	6,754 ▬	0.6%	14.8%	28.1x	5.5x
Dow Jones	Mỹ	46,602 ▼	-0.003%	9.5%	23.1x	4.9x
FTSE 100	Anh	9,514 ▼	-0.4%	16.4%	14.5x	2.2x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,645 ▼	-0.1%	15.3%	17.4x	2.4x
DXV		99 ▬	0.30%	-8.9%		
USDVND		26,349 ▼	-0.05%	3.4%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

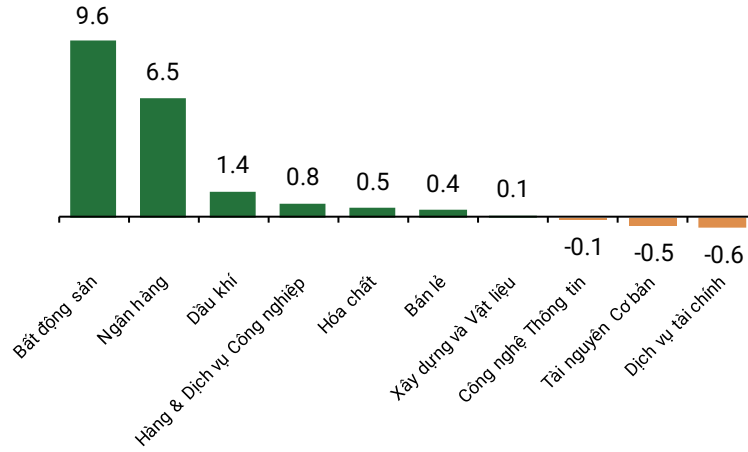
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.5%	-0.7%	-11.7%	-13.9%
Dầu WTI	▬	0.7%	-0.8%	-13.3%	-15.1%
Khí gas	▼	-5.0%	6.6%	-8.5%	25.0%
Than cốc (*)	▲	3.6%	0.0%	-10.6%	-20.4%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	-1.3%	-2.6%	-7.7%
PVC (*)	▬	0.0%	-0.2%	-5.2%	-10.3%
Phân Urea (*)	▼	-2.8%	-20.5%	9.1%	8.8%
Cao su thiên nhiên	▲	1.4%	-0.7%	-12.5%	-14.4%
Bông Cotton	▬	0.7%	-3.4%	-8.7%	-13.2%
Đường	▼	-2.2%	2.7%	-15.6%	-26.2%
World Container Index	▼	-1.1%	-21.5%	-56.6%	-52.7%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.3%	0.8%	16.3%	5.3%
Vàng	▲	1.4%	11.4%	53.9%	54.9%
Bạc	▲	3.8%	21.5%	71.8%	62.8%

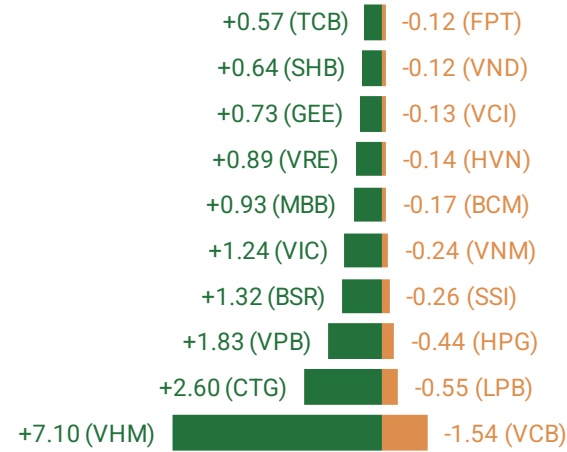
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

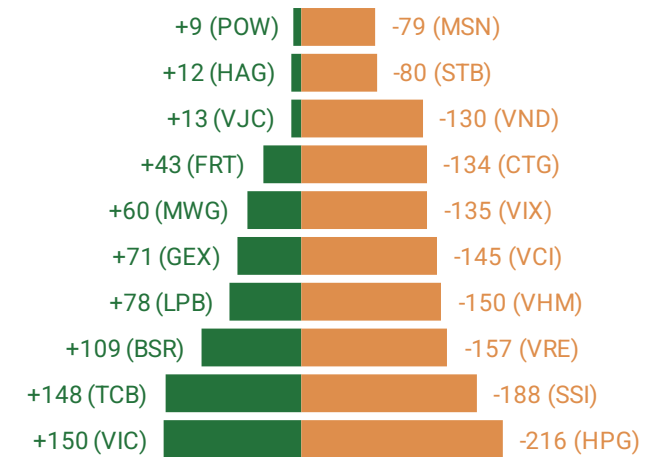


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

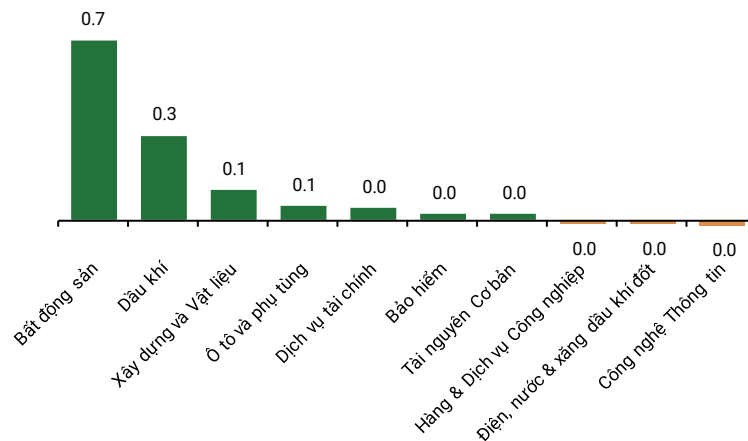


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

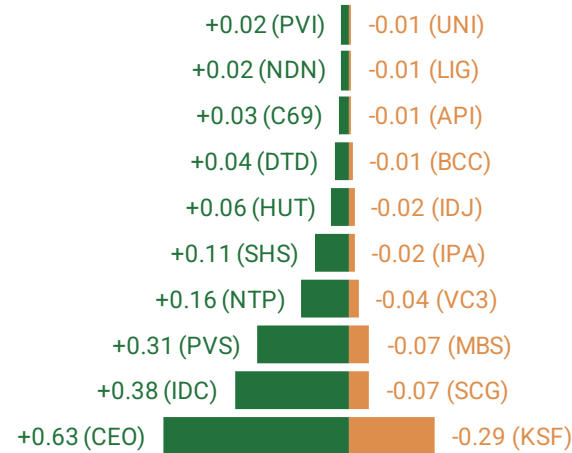
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



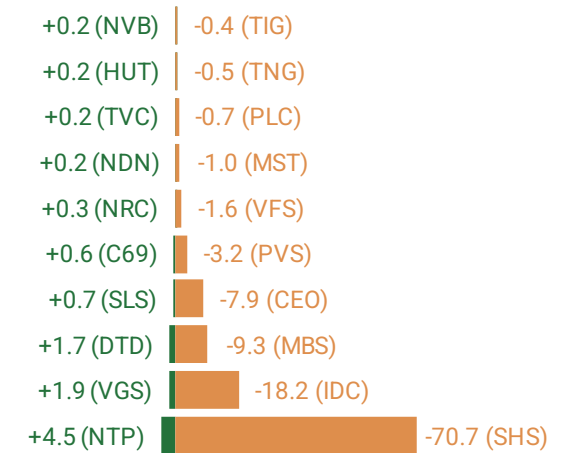
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



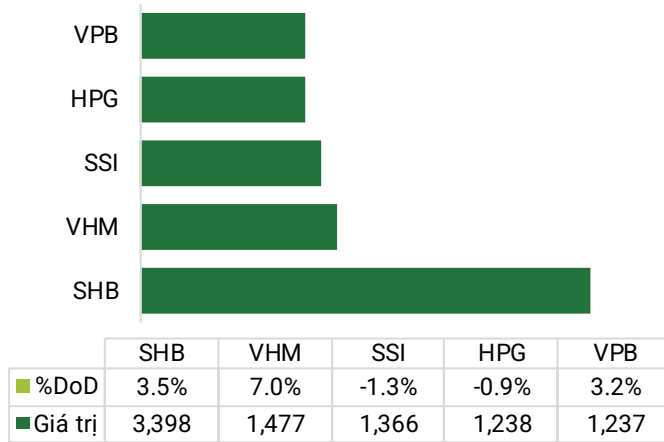
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



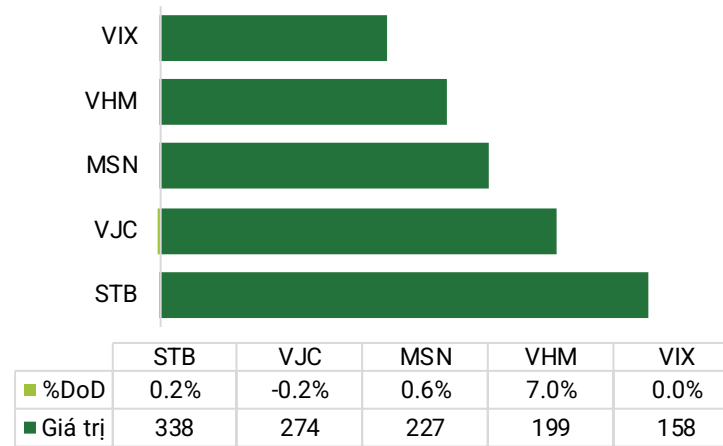
TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

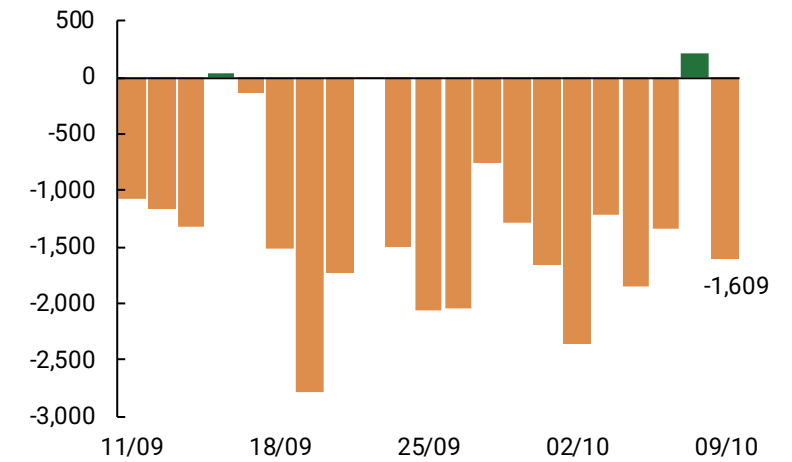


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

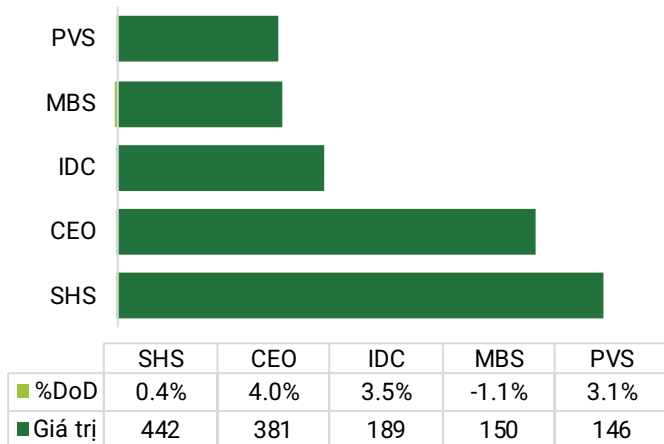


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

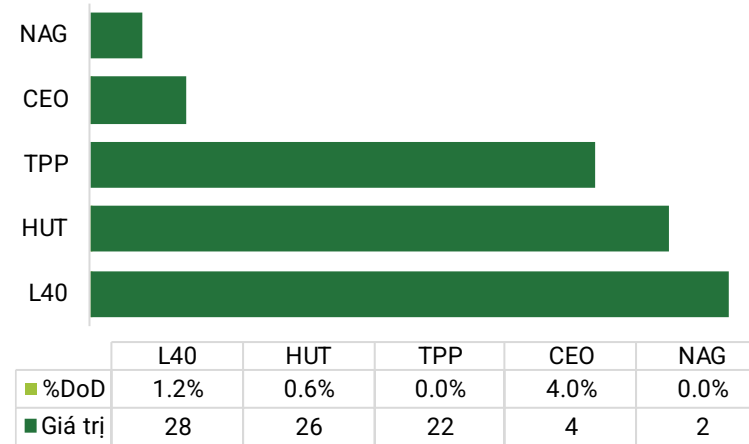
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



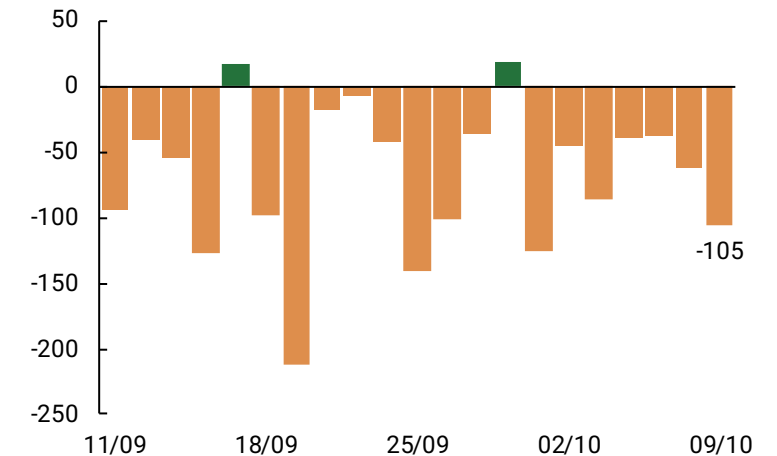
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh vol tăng đồng thuận.
- ✓ Hỗ trợ: 1650 – 1680.
- ✓ Kháng cự: 1740.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá quanh 1700.

Kịch bản: Chỉ số đã xác nhận vượt trên đỉnh cũ 1700 nên vận động sau đó có thể nghiêng về củng cố lại nền giá mới quanh đây. Thanh khoản gia tăng đồng thuận xu hướng. Các chỉ báo cải thiện tiếp tục ủng hộ chiều đi lên. Khu vực 1650 – 1680 hiện trở thành hỗ trợ gần trong ngắn hạn, trong khi kháng cự mục tiêu là ngưỡng 1740 – 1750 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh có bóng phía trên nhỏ, vol tăng.
- ✓ Hỗ trợ: 1830 - 1850.
- ✓ Kháng cự: 1940 - 1950
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Tiếp cận cản.

➔ VN30 tiếp tục đà tăng nhưng đang gần chạm đến vùng cản kỹ thuật quanh ngưỡng 1940 – 1950. Chỉ số kết phiên có bóng nến nhỏ phía trên cũng cho thấy lực cung có dấu hiệu tham gia tại cản. Vận động có thể hạ nhiệt để tích lũy thêm đà. Khu vực quanh 1880 – 1900 hiện trở thành hỗ trợ gần trong ngắn hạn.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	DDV	BUY	Current price		32.0	P/E (x)	13.3
Exchange	UPCoM		Action price	10/10	32.0	P/B (x)	2.3
Sector	Specialty Chemicals		Target price		36	EPS	2413.2
			Cut loss		30	ROE	19.3%
						Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá bật tăng trên MA20 ngày với mẫu hình nến Marubozu.
 - Thanh khoản tăng biểu hiện dòng tiền tham gia trở lại.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI cũng quay lại đà tăng trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
 - Khu vực 30 – 31 đã được kiểm định sẽ đóng vai trò hỗ trợ tốt.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh kỳ vọng kết thúc và giá sẽ hướng về mục tiêu đỉnh cũ.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	DDV	Mua	10/10/2025	32.0	32.0	0.0%	36.0	12.5%	30	-6.3%	Kiểm định tốt hỗ trợ

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	HPG	Nắm giữ	12/09/2025	08/10/2025	28.95	29.2	-0.7%	33.0	13.2%	28.0	-3.9%	Nâng cắt lỗ 28
2	CTD	Nắm giữ	19/09/2025	03/10/2025	86.00	81.8	5.1%	92.0	12.5%	78.0	-4.6%	Nâng cắt lỗ 78
3	TCB	Mua	02/10/2025	-	38.95	38.6	1.0%	42.5	10.2%	36.5	-5.3%	
4	ACB	Mua	07/10/2025	-	26.95	26.8	0.6%	30.0	11.9%	25.0	-6.7%	
5	HAG	Mua	09/10/2025	-	17.10	16.8	2.1%	18.5	10.4%	15.7	-6.3%	
6	VNM	Mua	09/10/2025	-	62.90	63.4	-0.8%	70.0	10.4%	59.5	-6.2%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** Hợp đồng VN30F1M đóng cửa tại 1936.6, tăng 17.6 điểm (+0.9%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ lệch basis 4.3 điểm - thấp hơn VN30 cơ sở. Khối ngoại Mua ròng 76 HĐ, tương ứng hơn 14 tỷ đồng. Vận động nghiêng về chiều tăng trong phần lớn thời gian giao dịch, dù có rung lắc.
- Ở đồ thị 15p**, giá đóng cửa tạo “gap tăng” trong khi MACD vẫn còn nằm dưới đường tín hiệu, hàm ý đà đi lên có thể gặp khó khăn tại cản 1940 và cần hạ nhiệt củng cố thêm. Khu vực quanh 1930 – 1935 hiện đóng vai trò hỗ trợ ngắn hạn, chiều Long có thể cân nhắc khi giá điều chỉnh về lại vùng này. Vị thế Short hạn chế hơn, chỉ tham gia khi có tín hiệu xác nhận đảo chiều đủ mạnh dưới ngưỡng 1922.

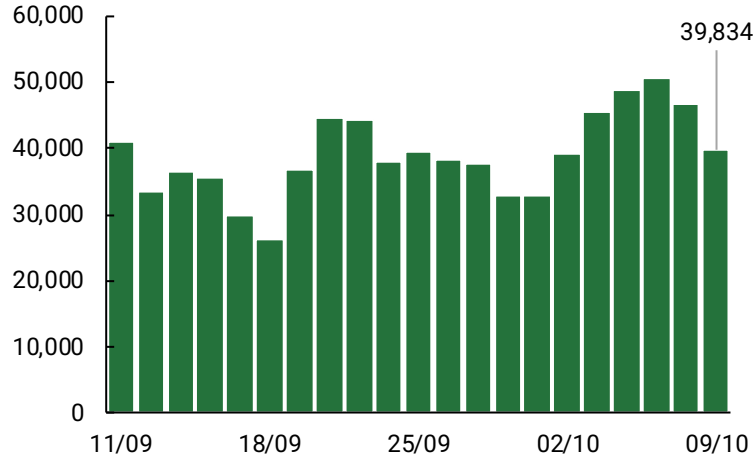
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	1.932	1.945	1.925	13 : 7
Short	< 1.922	1.910	1.928	12 : 6

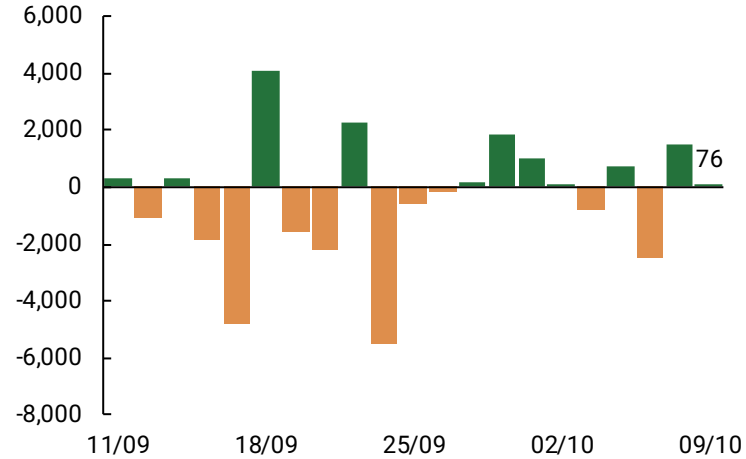
Thống kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
VN30 Index	1,940.9	17.9						
4111G3000	1,906.3	16.1	98	355	1,948.3	-42.0	19/03/2026	161
4111FB000	1,930.2	17.1	769	1,662	1,942.8	-12.6	20/11/2025	42
4111FA000	1,936.6	17.6	301,833	39,834	1,941.2	-4.6	16/10/2025	7
VN30F2512	1,929.8	16.9	175	1,462	1,944.1	-14.3	18/12/2025	70

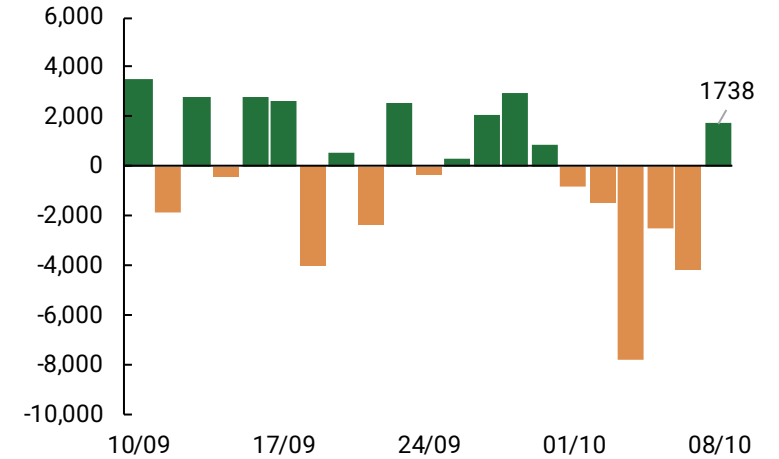
Khối lượng mở (Open interest)



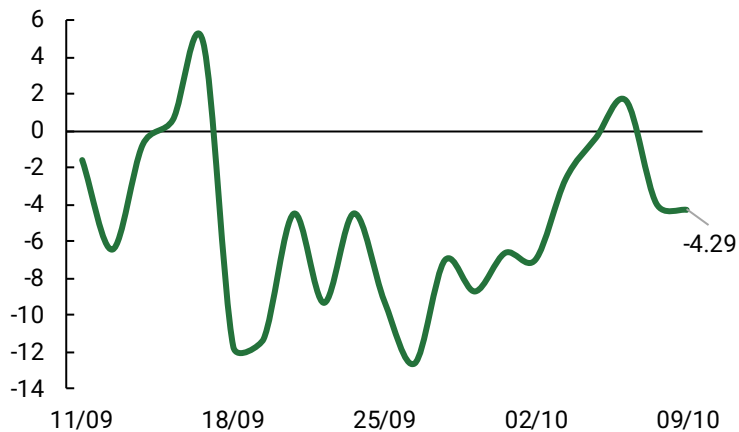
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



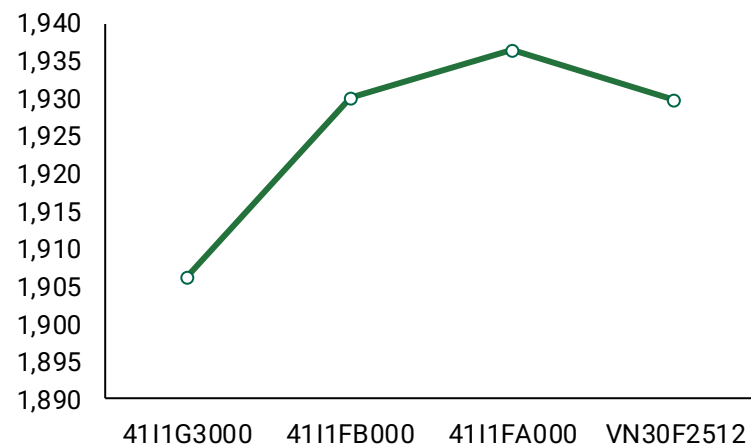
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



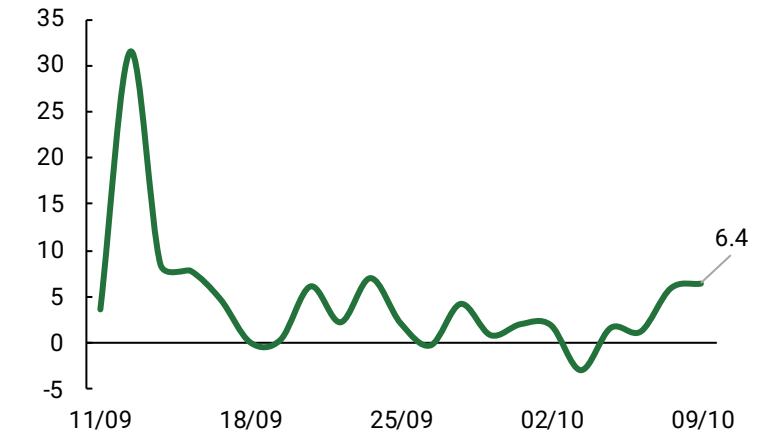
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	74,500	67,900	-8.9%	Giảm tỷ trọng
CTD	86,000	92,400	7.4%	Nắm giữ
CTI	25,750	27,200	5.6%	Nắm giữ
DBD	54,000	68,000	25.9%	Mua
DDV	31,777	35,500	11.7%	Tăng tỷ trọng
DGC	93,500	102,300	9.4%	Nắm giữ
DGW	40,900	48,000	17.4%	Tăng tỷ trọng
DPR	37,500	41,500	10.7%	Tăng tỷ trọng
DRI	11,407	18,000	57.8%	Mua
EVF	14,150	14,400	1.8%	Nắm giữ
FRT	137,300	135,800	-1.1%	Giảm tỷ trọng
GMD	67,300	72,700	8.0%	Nắm giữ
HAH	54,900	67,600	23.1%	Mua
HDG	32,850	33,800	2.9%	Nắm giữ
HHV	15,600	12,600	-19.2%	Bán
HPG	28,950	30,900	6.7%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
IMP	52,000	55,000	5.8%	Nắm giữ
MBB	27,350	22,700	-17.0%	Bán
MSH	34,700	47,100	35.7%	Mua
MWG	81,500	92,500	13.5%	Tăng tỷ trọng
NLG	39,100	43,600	11.5%	Tăng tỷ trọng
PHR	55,300	72,800	31.6%	Mua
PNJ	85,000	95,400	12.2%	Tăng tỷ trọng
PVT	18,050	18,900	4.7%	Nắm giữ
SAB	45,600	59,900	31.4%	Mua
TCB	38,950	35,650	-8.5%	Giảm tỷ trọng
TCM	29,350	38,400	30.8%	Mua
TRC	70,000	94,500	37.8%	Mua
VCG	27,750	26,200	6.7%	Nắm giữ
VHC	55,200	60,000	12.7%	Tăng tỷ trọng
VNM	62,900	69,500	18.4%	Tăng tỷ trọng
VSC	26,850	17,900	-39.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

Bộ Công Thương thông tin về tiến trình đàm phán thuế đối ứng với Mỹ: Dự kiến trong tháng 10 và tháng 11/2025, đoàn đàm phán của Việt Nam tiếp tục có chuyến công tác sang Mỹ để thảo luận và triển khai các công việc tiếp theo hướng đến hoàn thành thỏa thuận về thương mại đối ứng.

Việt Nam có gần 11 triệu tài khoản chứng khoán: Theo số liệu từ Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), trong tháng 9, thị trường có thêm 290.000 tài khoản mới. Lũy kế từ đầu năm, nhà đầu tư mở mới 1,74 triệu tài khoản. Tổng số tài khoản chứng khoán đạt gần 11 triệu đơn vị, trong đó nhà đầu tư cá nhân chiếm 99,4%, áp đảo so với tổ chức trong và ngoài nước.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HPG - Hòa Phát đạt sản lượng bán hàng 7,4 triệu tấn thép sau 9 tháng: Quý III, bán thép xây dựng và thép cuộn chất lượng cao của Hòa Phát giảm 17% so quý II do mùa thấp điểm và thời tiết xấu. Tuy nhiên, thép cuộn cán nóng (HRC) tăng 8% quý II và 71% so cùng kỳ 2024, sản lượng 9 tháng đạt 7,4 triệu tấn, tăng 22%. Sản lượng thép xây dựng tăng 6%, chiếm 37% thị phần Việt Nam. Chuỗi lò cao Dung Quất 2 vận hành giúp nâng công suất thép HRC. Năng lực sản xuất dự kiến đạt 16 triệu tấn/năm từ 2026, củng cố vị thế lớn nhất Đông Nam Á.

VIX tăng tốc cho vay ký quỹ, lợi nhuận quý III cao kỷ lục: Công ty ghi nhận doanh thu quý III đạt 3,222 tỷ đồng, gấp gần 6 lần cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế 3,048 tỷ đồng và sau thuế 2,449 tỷ đồng, tăng hơn 9 lần. Sự tăng trưởng đột phá chủ yếu nhờ mảng đầu tư tài chính với lãi FVTPL tăng 586%. Hoạt động cho vay ký quỹ đạt dư nợ kỷ lục 16,065 tỷ đồng, tăng 73%. Chi phí hoạt động giảm mạnh góp phần cải thiện biên lợi nhuận. Lợi nhuận 9 tháng vượt kế hoạch đề ra, đạt mức cao nhất từ trước đến nay. Công ty tiếp tục duy trì danh mục đầu tư chất lượng với giá trị FVTPL 12,410 tỷ đồng. Đây là tín hiệu tích cực cho triển vọng kinh doanh và tăng trưởng của VIX trong tương lai.

TPB - Một ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm hơn 1.300 tỷ đồng: Ngày 8/10/2025, NHNN chấp thuận TPBank tăng vốn điều lệ tối đa 1,321 tỷ đồng từ lợi nhuận chưa phân phối theo phương án đã được ĐHĐCĐ 2025 thông qua. Kế hoạch trả cổ tức gồm 10% tiền mặt đã thực hiện và 5% cổ phiếu chia từ lợi nhuận tích lũy. Sau phát hành, vốn điều lệ ngân hàng tăng từ 26,420 tỷ đồng lên hơn 27,740 tỷ đồng. Đây là năm thứ 3 liên tiếp TPBank trả cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu, thể hiện chính sách ổn định và tăng trưởng bền vững.

HVN - Vietnam Airlines được chọn làm chủ đầu tư 3 dự án logistics hàng không 5.600 tỷ đồng tại Cảng hàng không quốc tế Long Thành: Bộ Xây dựng chọn HVN làm nhà đầu tư đặc biệt. Các dự án bao gồm xây dựng nhà ga hàng hóa số 2, kho giao nhận hàng hóa số 5-8, và nhà ga hàng hóa chuyển phát nhanh, công suất tổng cộng gần 1,3 triệu tấn/năm. Thời gian xây dựng từ 2025-2026, khai thác tới 2050. Giai đoạn đầu, doanh nghiệp sẽ không nộp ngân sách từ doanh thu, từ năm thứ 6 trở đi nộp tối thiểu 3%. Đây là động thái quan trọng mở rộng hạ tầng logistics hàng không, hỗ trợ tăng trưởng dài hạn của HVN.

- 01/10 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 03/10 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 06/10 Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế VN Quý III và 9 tháng
- 07/10 Việt Nam - FTSE Russell công bố phân loại thị trường
- 15/10 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
- 16/10 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)
Việt Nam - Đáo hạn phái sinh
- 20/10 Việt Nam - Công bố danh mục cổ phiếu thành phần thuộc chỉ số Diamond
Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
- 30/10 Mỹ - FED công bố lãi suất điều hành
EU - ECB công bố lãi suất
Nhật Bản - BoJ công bố lãi suất
- 31/10 Việt Nam - Công bố sơ bộ GDP
Việt Nam - Các quỹ ETF Diamond cơ cấu chỉ số

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415